

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - NGHỆ AN
Số: 08/2025/QĐST-DS

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
-----o0o-----
Nghệ An, ngày 29 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 19 tháng 9 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 19/2025/TLST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trương Thị H, sinh năm:1974.

Trú tại: Xóm K, xã G, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo uỷ quyền cho bà Trương Thị H: Anh Nguyễn Chí T, sinh năm:1996

Nơi làm việc: Văn phòng Luật sư Lê Trần

Địa chỉ: Số C đường T, khối T, phường H, TX T, tỉnh Nghệ An.

- **Bị đơn:**

1. Ông Trương Văn H1, sinh năm 1972.

Trú tại: Xóm Q, xã G, tỉnh Nghệ An.

2. Ông Trương Văn H2, sinh năm: 1969.

Trú tại: Xóm Q, xã G, tỉnh Nghệ An.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trương Thị H3. Sinh năm: 1981.

Trú tại: Xóm K, xã G, tỉnh Nghệ An.

2. Bà Trương Thị H4. Sinh năm: 1985.

Trú tại: Xóm Q, xã G, tỉnh Nghệ An. (Đã uỷ quyền cho bà Trương Thị H3 theo văn bản uỷ quyền ngày 11/12/2024).

3. Bà: Trương Thị H5, sinh N, sinh năm: 1976.

Trú tại: Xóm Q, xã G, tỉnh Nghệ An. (Đã ủy quyền cho bà Trương Thị H3 theo văn bản ủy quyền ngày 11/12/2024.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Giao cho chị Trương Thị H được quyền sử dụng phần đất có diện tích 1.504,8m² trong đó có 1.354,8 m² đất cây lâu năm và 150m² đất ở. Có kích thước cụ thể như sau:

+ Phía đông giáp với thửa đất số 544 của bà Trần Thị P có chiều dài: 46,37m (gồm các đoạn: 2,39m +12,10m +5,94m +1,71m +11,25m +12,98m);

+ Phía nam giáp với thửa đất số 551 của ông Trương Văn H6, thửa đất số 550 của ông Trương Xuân T1 có chiều dài: 50,28m (gồm các đoạn: 15,40m + 8,72m + 15,14m +11.02m);

+ Phía tây giáp với đường nông thôn có chiều dài: 24,08 m (gồm các đoạn: 16,21m+ 7,87m);

+ Phía bắc giáp với phần đất còn lại của thửa đất số 538 có chiều dài: 66,48m).

- Giao cho anh Trương Văn H1 được quyền sử dụng phần đất có diện tích 2.565,2m² trong đó có 2.415,2m² đất cây lâu năm và 150m² đất ở. Có kích thước cụ thể như sau:

+ Phía đông giáp với thửa đất số 534 của ông Đào Xuân T2, thửa đất số 533 của UBND xã G, thửa đất số 532 của bà Trần Thị P có chiều dài: 54,08m (gồm các đoạn: 12,07m +2,32m +20,75m +9,25m +3,42m +6,27m);

+ Phía nam giáp với phần đất còn lại của thửa đất số 538 có chiều dài: 66,48m;

+ Phía tây giáp với đường nông thôn có chiều dài: 38,14 m (gồm các đoạn: 33,59m + 4,55m);

+ Phía bắc giáp với thửa đất số 526 của ông Nguyễn Văn B có chiều dài: 67,29m (gồm các đoạn: 28,77m +24,88m +2,97m +9,67m)

Giao ngôi nhà do anh H1 tự xây dựng để ở và các công trình phụ khác nằm trên phần đất mà anh hoàn được quyền sử dụng cho anh H1 được quyền sở hữu.

Phần diện tích canh tác mía do anh H1 trồng nằm phần diện tích đất mà chị Trương Thị H được quyền sử dụng, anh Trương Văn H1 có trách nhiệm thu hoạch để giao lại diện tích đất cho chị H.

Hai bên thỏa thuận khi quyết định có hiệu lực pháp luật thì các bên phải chịu trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền để làm các thủ tục cấp đổi và làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Anh Trương Văn H1 phải chịu là: 4.188.520 (bốn triệu một trăm tám mươi tám nghìn năm trăm hai mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Do bà Trương Thị H là hộ nghèo thuộc đối tượng miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội nên bà Trương Thị H không phải chịu án phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Khu vực 7 - Nghệ An;*
- *Phòng THADS Khu vực 7 - Nghệ An;*
- *UBND xã Nghĩa Đồng, tỉnh Nghệ An;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

THẨM PHÁN

Đặng Xuân Hoan